TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-PT
Ngày: 09/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**
ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông **Đoàn Xuân Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 562/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Hoàng Danh N, Ngô Xuân C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Danh N - sinh ngày 13/6/1986 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: số F đường N, tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: buôn bán phế liệu; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Danh H và bà Nguyễn Thị N1; có vợ: Đỗ Thị H1 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Ngô Xuân C - sinh ngày 13/6/1980 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: số H đường C (K H cũ), phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Ngô Xuân K và bà Nguyễn Thị T; có vợ: Nguyễn Thị B và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam ngày 08/5/2024. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Danh N*:* ông Vũ Khánh D, ông Hoàng Minh P và ông Nguyễn Cao T1 - Luật sư của Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H theo yêu cầu của bị cáo. Luật sư Vũ Khánh D và Luật sư Hoàng Minh P có mặt, Luật sư Nguyễn Cao T1 vắng mặt.

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần V1; địa chỉ: số B đường X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Chân T2 - sinh năm 1977; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc S - sinh năm 1980; nơi cư trú: số A đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH C2; địa chỉ: số E đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Ngọc T3 - sinh năm 1979; Chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: số E đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Hữu Thùy L - sinh năm 1980; nơi cư trú: số E đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (văn bản ủy quyền ngày 08/9/2024). Có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/01/2022, Công ty cổ phần V2 (sau đây viết tắt là Công ty M1), địa chỉ: số B đường X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, do ông Nguyễn Chân T2 làm Giám đốc ký hợp đồng nguyên tắc số 01/2022/HĐNT với Công ty TNHH T9 (địa chỉ: số A B, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc thỏa thuận mua, bán sắt thép. Đến ngày 29/4/2022, anh Nguyễn Ngọc S (Trưởng đại diện Công ty M1 tại Thành phố Hồ Chí Minh) trực tiếp liên hệ với Công ty T9 đặt mua 149.694kg thép loại chữ I, thép tấm để chở đến công trình cầu T (thuộc phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) bán lại cho nhà thầu thi công và hẹn ngày 06/5/2022 lấy hàng. Sau đó, Công ty M1 đã chuyển số tiền 3.684.764.040đồng cho Công TNHH thép I để mua lô hàng và được Công ty TNHH T9 xuất hóa đơn số 549 ngày 07/5/2022.

Cuối tháng 4/2022, anh S gọi điện cho bà Nguyễn Thị Hoài L1 để thuê vận chuyển lô hàng thép trên từ Thành phố Hồ Chí Minh về phường C, thành phố H,

tỉnh Quảng Nam. Do giá vận chuyển thấp nên bà L1 không nhận chở mà giới thiệu cho anh Nguyễn Văn T4 (làm nghề dịch vụ môi giới vận chuyển hàng hóa). Anh T4 liên lạc với anh S và thỏa thuận mức giá vận chuyển là 750đồng/kg. Thoả thuận giá xong, anh T4 đăng thông tin lên mạng internet với nội dung "Xe tìm hàng, hàng tìm xe" để thuê các xe tải có nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

Tại thời điểm trên, Lê Văn T5 đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H7, thuộc Bộ C3 (địa chỉ tại xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Trước đó, T5 có mua 01 (một) điện thoại di động và 03 (ba) sim rác của phạm nhân Dương Công L2 (sinh năm 1987, trú tại: thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn) với giá 1.600.000đồng để lén sử dụng trong Trại giam từ tháng 12/2019. Do có thời gian làm phụ xe vận tải hàng hóa nên T5 biết được sơ hở trong việc các doanh nghiệp vận tải thường thỏa thuận, trao đổi qua điện thoại mà không cần gặp trực tiếp để làm hợp đồng và khi giao nhận hàng hóa không có chủ hàng đi cùng. T5 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và liên lạc bàn bạc rủ Vũ Văn L3 cùng tham gia.

Ngày 25/4/2022, T5 sử dụng số 0975.913.864 (sim rác) gọi đến tổng đài 1068 để xin thông tin của các Công ty có nhu cầu vận chuyển hàng hóa. Khi có thông tin và số điện thoại 0354.446.079 của anh T4 thì T5 gọi điện và nói dối T5 là nhân viên Công ty TNHH T10, có khả năng vận tải hàng hóa. Qua trao đổi, T5 đồng ý nhận vận chuyển số sắt thép nêu trên cho anh T4 theo giá thỏa thuận. Tin lời T5 là thật nên anh T4 gọi điện báo cho anh S là đã thuê được Công ty T10 để vận chuyển lô sắt thép trên, đồng thời gửi số điện thoại của anh S cho T5 liên hệ. Sau đó, T5 sử dụng số 0975.913.864, còn L3 sử dụng số điện thoại 0961.970.577 (sim rác) để gọi điện cho anh S; T5 và L3 đều giới thiệu là nhân viên Công ty T10 và được anh T4 thuê vận chuyển thép về Quảng Nam theo yêu cầu. Ngoài ra, T5 chỉ đạo L3 lập một tài khoản zalo mang tên Thái H2 để liên lạc với các lái xe, chủ hàng, đồng thời yêu cầu L3 vào Thành phố Hồ Chí Minh để lấy hóa đơn giao hàng từ các lái xe nhằm che giấu nguồn gốc, xuất xứ lô hàng khi bán.

Để chuẩn bị cho việc chiếm đoạt số sắt thép nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 29/4/2022 đến ngày 05/5/2022, T5 đã sử dụng số điện thoại 0975.913.864 liên hệ nhiều người làm dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa và nói dối là chủ lô hàng sắt thép để thuê các xe ôtô tải và lái xe để chở hàng. Đồng thời với việc thuê xe chở hàng thì T5 tìm nơi để tiêu thụ số sắt thép sẽ chiếm đoạt. Ngày 04/5/2022, T5 tìm kiếm những người có nhu cầu mua sắt thép phế liệu để bán lô hàng trên. Sau khi biết Hoàng Danh N là chủ cơ sở mua bán sắt phế liệu, T5 gọi điện cho N và nói: "Có lô hàng thủy điện tuồn ra. Anh mua được mấy". N yêu cầu T5 cho xem hàng thì T5 chỉ đạo Vũ Văn L3 yêu cầu lái xe chụp hình ảnh lô sắt thép gửi qua zalo cho N. Sau khi xem hình ảnh lô hàng, biết rõ lô sắt thép còn mới, không phải hàng phế liệu và không có giấy tờ gì nhưng N vẫn đồng ý mua với giá từ 12.000đồng/kg - 12.500đồng/kg. Lúc này, T5 cung cấp số điện

thoại của tài xế Lê Văn N2 để N liên hệ nhận hàng khi các xe ôtô đến địa phận Đà Nẵng. Sau khi thỏa thuận mua hàng lô sắt thép trên, N gọi điện cho Ngô Xuân C (là Giám đốc Công ty T11, có địa chỉ tại quận L, thành phố Hà Nội) để bán lô sắt thép này cho C nhằm kiếm lời, hai bên thỏa thuận giá bán là 16.000đồng/kg. Thỏa thuận xong, C tiếp tục liên hệ anh Đào Ngọc T3 (là Giám đốc Công ty C2, địa chỉ tại xã H, huyện H) để giới thiệu bán lô sắt thép với giá 18.500đồng/kg nhằm hưởng chênh lệch. Anh T3 đồng ý mua lô thép trên với điều kiện phải có giấy tờ hóa đơn giá trị gia tăng. Biết rõ lô hàng sắt thép này không có giấy tờ gì nhưng theo yêu cầu của anh T3, C đã gọi điện, chỉ đạo cho Nguyễn Thị Thanh L4 (là nhân viên kế toán của Công ty T11) xuất hóa đơn cho lô hàng sắt thép nhằm hợp thức hóa giấy tờ. L4 làm thủ tục nhập sổ sách kế toán của công ty để xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000006 ngày 09/5/2022. Sau khi xuất hóa đơn điện tử, L4 chuyển qua zalo cho C để C chuyển tiếp cho phía Công ty C2. Ngoài ra, C còn hợp thức hóa giấy tờ của lô sắt thép bằng một hợp đồng mua bán số 028/2022/HĐKT/HT-CT đề ngày 06/5/2022 cho Công ty C2.

Ngày 06/5/2022, anh S trao đổi với T5 về việc cung cấp thông tin xe tải và lái xe để Công ty T9 làm thủ tục xuất hàng. Sau đó, L3 đã gửi thông tin 03 xe tải gồm: xe đầu kéo biển số 74H-004.32 - lái xe Lê Văn N2, xe đầu kéo biển số 73H-005.59 - lái xe Tạ Văn C1, xe đầu kéo biển số 89H-004.32 - lái xe Đồng Văn H3 và điều các lái xe này đến kho hàng của I tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận hàng. Do khối lượng sắt thép lớn, quá tải trọng cho phép nên T5, L3 gọi điện thuê thêm 01 xe đầu kéo biển số 75H-004.71 do lái xe Trần Giang Q đến chở hàng. Khi giao nhận hàng, Công ty T9 lập "biên bản giao nhận hàng hóa kiêm phiếu xuất kho" để lưu thông tin và đưa cho các lái xe giữ một bản.

Do nhận hàng trước nên 03 xe ôtô của Đồng Văn H3, Lê Văn N2, Tạ Văn C1 xuất phát trước. Khi các xe này rời khỏi kho hàng thì T5 gọi điện cho anh Lê Văn N2 và các lái xe khác, yêu cầu thay đổi địa điểm giao hàng từ thành phố H, tỉnh Quảng Nam sang thành phố Đà Nẵng. Đồng thời khi đến địa phận Đồng Nai sẽ có người nhận giấy tờ hóa đơn của lô hàng. Khoảng 17 giờ, ngày 06/5/2022, tại địa phận Đồng Nai, Vũ Văn L3 chờ sẵn và gặp 03 lái xe lấy các giấy tờ xuất kho của lô hàng. Sau đó, các xe ôtô tải biển kiểm soát 74H-004.32, 73H-005.59 và 89H-004.32 tiếp tục di chuyển theo hướng ra Đà Nẵng, còn xe ôtô 75H-004.71 do tài xế Trần Giang Q điều khiển xuất phát muộn hơn nên L3 không lấy được giấy tờ.

Khoảng 17 giờ ngày 07/5/2022, ba xe ôtô đầu kéo 74H-004.32; 73H-005.59 và 89H-004.32 đến Đà Nẵng thì T5 và L3 gọi điện cho các lái xe yêu cầu đưa hàng đến cổng khu Công nghiệp H để chờ người nhận hàng. Sáng ngày 08/5/2022, Hoàng Danh N đến cổng khu Công nghiệp H gặp N2, C1, H3 và hướng dẫn đến bàn cân gần trạm điện 500KV (thuộc thôn T, xã H, huyện H) để cân và bàn giao lô hàng sắt thép. Quá trình cân, xác định tổng khối lượng sắt thép

trên 03 xe là 116 tấn. Nhận lô hàng trên, N gọi điện cho T5 và thỏa thuận giá mua là 13.000đồng/kg, số tiền mua bán là 1.508.000.000đồng. Lúc này, các lái xe yêu cầu N phải thanh toán tiền vận chuyển là 117.000.000đồng mới được lấy hàng. N gọi điện cho T5 thì T5 đề nghị N thanh toán tiền vận chuyển trước cho các lái xe, số tiền này sẽ được trừ vào tiền hàng sau này và hỗ trợ thêm tiền cẩu thép cho N là 3.000.000đồng thì N đồng ý.

Ngày 08/5/2022, sau khi nhận hàng, N thuê xe cẩu và 02 xe đầu kéo khác vận chuyển lô sắt thép trên cho Ngô Xuân C về kho của Công ty C2 với chi phí là 22.000.000đồng. Tại đây, C cân lại số sắt thép trên được 115.646,7kg rồi bàn giao cho anh Ngô Văn H4 (nhân viên của Công ty C2) và Công ty C2 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 2.139.738.768đồng cho Ngô Xuân C. C thanh toán cho N số tiền 1.850.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 000001267716 ngân hàng V3 mang tên Đỗ Thị H1 (là vợ của N), C hưởng lợi số tiền 289.738.768đồng. Sau đó, N tiếp tục chuyển khoản thanh toán 117.000.000đồng cước phí vận chuyển cho Lê Văn N2.

Để nhận tiền bán lô sắt thép trên, T5 gọi điện cho N đề nghị thanh toán bằng tiền mặt và chỉ đạo L3 đến huyện H, thành phố Đà Nẵng để nhận tiền. N nói với T5 là không rút tiền mặt được do ngân hàng không làm việc ngày chủ nhật. Lúc này, T5 gọi điện cho Vũ Thị D1 chỉ đạo D1 tìm tài khoản ngân hàng để nhận tiền và cho số điện thoại của N để D1 liên hệ. Khi N đề nghị gửi số tài khoản ngân hàng kèm ảnh chụp căn cước công dân của chủ tài khoản thì D1 đã gọi điện cho Nguyễn Văn T6 (vợ T6 là em họ của D1) để mượn nhờ tài khoản ngân hàng. Do T6 không có tài khoản ngân hàng nên T6 đã gọi điện cho bạn là Phạm V để mượn giúp tài khoản cho D1. V đồng ý giúp T6 và nhắn số tài khoản 2506205439216, ngân hàng A1, mang tên Phạm V kèm ảnh chụp căn cước công dân của V cho T6 mà không biết rõ số tiền nhận về là do đâu mà có. Sau đó, T6 chuyển thông tin tài khoản của V cho D1 và số điện thoại của V để D1 liên lạc khi cần. Lúc này, D1 gửi số tài khoản, ảnh chụp căn cước công dân của Phạm V qua zalo cho N. N yêu cầu viết bản cam kết với nội dung: "Tôi tên Phạm V có bán cho ông Hoàng Danh N lô hàng Y700 với số lượng 116 tấn tại Đà Nẵng. Tôi cam kết nếu có vấn đề gì thì tôi chịu hoàn toàn pháp luật" trước khi chuyển tiền thanh toán. D1 đã giả danh là Phạm V và tự viết nội dung như trên rồi chụp hình ảnh bản cam kết gửi cho N. Sau đó, N đã chuyển khoản số tiền 1.388.000.000đồng đến số tài khoản 2506205439216, ngân hàng A1, tên chủ tài khoản PHẠM VIÊN do D1 cung cấp. Số tiền N hưởng lợi sau khi trừ đi các khoản chi phí là 323.000.000đồng. Sau khi đã nhận được tiền do chiếm đoạt lô sắt thép thì Lê Văn T5, Vũ Văn L3, Vũ Thị D1 tắt máy, hủy kết bạn zalo với những người liên quan và vứt bỏ sim điện thoại để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện.

Ngày 09/5/2022, xe ôtô đầu kéo 75H - 004.71 do lái xe Trần Giang Q điều khiển đến Đà Nẵng và giao lô hàng thép cho anh Nguyễn Ngọc S kèm hóa đơn

xuất hàng. Lúc này, anh S chưa thấy số hàng còn lại và không liên hệ được với 02 số điện thoại mà T5, L3 đã sử dụng xưng là Công ty T10 nên nghi ngờ lô hàng bị chiếm đoạt. Anh S đến Công an huyện H, thành phố Đà Nẵng trình báo vụ việc.

Sau khi số tiền 1.388.000.000đồng được chuyển vào tài khoản của Phạm V, T5 chỉ đạo D1 gọi điện nhờ V chuyển giúp số tiền trên vào một tài khoản game và V đã chuyển 1.388.000.000đồng vào tài khoản game nhưng không chuyển được và bị mất phí 38.000.000đồng. Để tránh thất thoát tiền, D1 gọi điện lại cho V nhờ tìm 02 số tài khoản khác để chuyển số tiền 1.100.000.000đồng rồi sau đó chuyển ngược lại cho D1 vào tài khoản số 8188198599999 ngân hàng M2, mang tên Vũ Thị D1.

Phạm V đã nhờ chị Nguyễn Thị Kim H5 và anh Nguyễn Văn M (là bạn của V) cho mượn tài khoản ngân hàng để V chuyển số tiền 1.100.000.000đồng vào 02 tài khoản này, sau đó số tiền 1.100.000.000đồng được chuyển vào tài khoản của D1. Số tiền 250.000.000đồng còn lại, D1 nói V rút tiền mặt và đưa lại cho T6 để T6 đưa cho D1. Viên rút 250.000.000đồng tiền mặt đem về đưa cho T6, thì T6 có nói D1 cho V 50.000.000đồng, còn T6 giữ số tiền 200.000.000đồng. Số tiền này T6 và V đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 09/5/2023, T5 gọi điện nhờ anh Triệu Văn D2 (là chú họ của T5) nhận giúp 420.000.000đồng thì anh D2 đồng ý. Sau đó, T5 chỉ đạo D1 chuyển 420.000.000đồng vào tài khoản số 0987834454, ngân hàng M2 mang tên Triệu Văn D2. Khi anh D2 nhận số tiền trên, T5 gọi điện nhờ anh D2 chuyển giúp cho T5 đến tài khoản của Nguyễn Đức A, của Đoàn Ngọc T7, của Vương Bá T8, của Nguyễn Minh H6. Đối với số tiền 680.000.000đồng còn lại trong tài khoản của D1, T5 trả nợ cho D1 và chỉ đạo D1 chuyển đến nhiều tài khoản khác.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 98 ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đà Nẵng kết luận: tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt (gồm: 15.847,2kg thép hình chữ I [200x100x5.5x8x12000], 97.680kg thép hình chữ I [700x300x13x24x12000], 2.119,5kg thép tấm [10x1500x6000] có giá trị 2.589.789.368đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Áp dụng điểm a, b khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Danh N 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Ngô Xuân C 08 (tám) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T5, Vũ Văn L3, Vũ Thị D1, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2024, bị cáo Hoàng Danh N kháng cáo cho rằng bị cáo không biết được việc các bị cáo T5, L3, D1 dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo thiếu hiểu biết, nhận thức pháp luật không đầy đủ, không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có nên mới mua hàng hoá không có hoá đơn, chứng từ. Đề nghị Toà án xem xét cho bị cáo không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Ngày 24/9/2024, bị cáo Ngô Xuân C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức án 08 năm tù là nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Hoàng Danh N, Ngô Xuân C đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo Hoàng Danh N và bị cáo Ngô Xuân C đều về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng người, đúng tội, không oan. Mức án 08 năm tù đối với bị cáo C là thoả đáng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Danh N, Ngô Xuân C; giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Luật sư Vũ Khánh D và Luật sư Hoàng Minh P cho rằng Hoàng Danh N không biết thông tin hay những hành vi để nhằm thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Lê Văn T5, Vũ Văn L3, Vũ Thị D1. N được xác định là một trong các bị hại về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" để chấp nhận kháng cáo của Hoàng Danh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Danh N, Ngô Xuân C: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Ngô Xuân C khai nhận hành vi phạm tội của mình. Riêng bị cáo Hoàng Danh N không thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng xét án sơ thẩm xử bị cáo Hoàng Danh N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy

định tại điểm a, b khoản 4 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bởi lẽ:

Sau khi tiếp nhận thông tin của bị cáo Lê Văn T5 có nội dung là có lô hàng thủy điện *tuồn ra*, N đã đồng ý mua với giá từ 12.000đồng/kg - 12.500đồng/kg. Đồng thời hình ảnh qua ứng dụng zalo do Vũ Văn L3 gửi thì bị cáo N biết rõ lô hàng này là sắt, thép còn mới, không phải là phế liệu và bị cáo N biết không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp về nguồn gốc. Tuy nhiên, vì mục đích kiếm lời nên bị cáo N vẫn đồng ý mua lô hàng để bán lại cho Ngô Xuân C. Ngày 08/5/2022, khi nhận bàn giao lô sắt, thép từ các tài xế xe tải tại Khu công nghiệp H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thì bị cáo N cũng nhìn thấy rõ lô sắt, thép còn tốt, đẹp (loại sắt H35, sắt tấm), không phải loại sắt phế liệu. Để mua được trót lọt lô hàng sắt, thép này bị cáo N đã tự nâng giá mua từ 12.500đ/kg lên 13.000đ/kg cho bị cáo T5. Sau khi tải hết hàng xuống thì bị cáo N gọi và thoả thuận bán lại ngay cho bị cáo Ngô Xuân C với giá 16.000đ/kg. Việc bị cáo C yêu cầu kế toán Công ty (do bị cáo C làm Giám đốc) làm chứng từ giả để hợp thức hoá lô hàng này thì bị cáo N cũng biết rõ, điều đó thể hiện qua tin nhắn qua lại giữa hai bị cáo N và C. Ngoài ra, sau khi nhận tiền lô hàng sắt, thép từ bị cáo C thì bị cáo N còn yêu cầu bên bán cho bị cáo phải viết "Bản cam kết", điều đó lại càng thể hiện bị cáo N biết rõ đây là hàng phạm pháp. Đây chính là thủ đoạn nhằm che giấu hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo N và đối phó với cơ quan chức năng khi bị phát hiện mà thôi. Trong trường hợp này, mặc dù bị cáo N khai là bị cáo không biết đây là tài sản phạm pháp nhưng pháp luật buộc bị cáo phải nhận thức được đây là tài sản do phạm tội mà có. Trị giá lô sắt thép là 2.589.789.368đồng, bị cáo N thu lợi bất chính số tiền 322.000.000đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo N xuất trình tài liệu và cho rằng bị cáo có công tham gia đóng góp tại địa phương, tuy nhiên mức án 08 năm 06 tháng tù là thoả đáng và bị cáo cũng không xin giảm nhẹ hình phạt mà kêu oan. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo N như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm.

[2] Đối với bị cáo Ngô Xuân C: sau khi mua lại lô sắt, thép có khối lượng 115,646 tấn của bị cáo N với giá 16.000đ/kg, đã bán lại cho Công ty TNHH C2 với giá 18.500đ/kg. Bản thân bị cáo C biết rõ lô hàng sắt, thép mà bị cáo N bán trao tay lại cho bị cáo không có giấy tờ, hóa đơn, chứng từ hợp pháp về nguồn gốc (chỉ có giấy viết tay thông qua bị cáo N) và bị cáo biết rõ là hàng có nguồn gốc do vi phạm pháp luật mà có nhưng vì mục đích kiếm lời, bị cáo C vẫn tiếp tay tiêu thụ lô sắt, thép của bị cáo N. Nhằm che đậy hành vi tiêu thụ lô hàng, bị cáo C đã trực tiếp chỉ đạo cho kế toán Công ty do bị cáo làm Giám đốc hợp thức hóa giấy tờ mua bán dưới hình thức lập một Hợp đồng mua bán số 028/2022/HĐKT/HT-CT đề ngày 06/5/2022 (trước 02 ngày nhận mua lô thép của bị cáo N), đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000006 đề ngày 09/5/2022 cho Công ty TNHH C2, thu lợi bất chính số tiền 289.738.768đồng. Xét Toà án

cấp sơ thẩm xử bị cáo C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội đối với tài sản, vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000đồng trở lên nên phạm vào điểm a khoản 4 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo C có xuất trình tài liệu thể hiện gia đình có công cách mạng nhưng xét thấy mức án 08 năm tù đối với bị cáo C là cấp sơ thẩm đã xem xét, chiếu cố nhiều cho bị cáo và mức án này đã xử dưới mức khởi điểm của khung hình phạt nên không thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm.

[3] Do nội dung kháng cáo của bị cáo Hoàng Danh N và bị cáo Ngô Xuân C không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Danh N và bị cáo Ngô Xuân C; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2024/HS-ST ngày 10/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bị cáo Hoàng Danh N và bị cáo Ngô Xuân C.

1. Áp dụng điểm a, b khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Danh N **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Ngô Xuân C **08** (tám) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2024.

3. Về án phí: các bị cáo Hoàng Danh N, Ngô Xuân C - mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (03);
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng (03);
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng (03);
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo);
- Bị hại; người liên quan;
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Trần Thị Kim Liên